

## **Chương 6**

# **VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO**

## **TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

### **A. MỤC TIÊU**

1. *Về kiến thức:* Trang bị cho người học quan điểm cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo. Sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta, cũng như tầm quan trọng của vấn đề dân tộc, tôn giáo đối với sự nghiệp cách mạng của toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. *Về kỹ năng:* Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tư duy và năng lực vận dụng những nội dung trong bài học để phân tích, giải thích những vấn đề trong thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học.

3. *Về tư tưởng:* Giúp sinh viên thấy rõ tính khoa học trong tư tưởng và cách thức giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo của chủ nghĩa Mác - Lênin, của Đảng Cộng sản Việt Nam; từ đó xác định trách nhiệm của bản thân góp phần tuyên truyền và thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước.

### **B. NỘI DUNG**

#### **1. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

##### ***1.1. Dân tộc và các đặc trưng của dân tộc***

###### ***a) Khái niệm dân tộc***

Dân tộc chính là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài, của lịch sử xã hội loài người. Trên cơ sở khoa học, chúng ta có thể hiểu khái niệm dân tộc ở hai nghĩa phổ biến: thứ nhất, khái niệm dân tộc dùng để chỉ một cộng đồng tộc người; thứ hai, khái niệm dùng để chỉ quốc gia - dân tộc.

- Theo nghĩa thứ nhất, dân tộc là một cộng đồng tộc người có chung nhau về ngôn ngữ, về lịch sử - nguồn gốc, về đời sống văn hóa và ý thức tự giác dân tộc. Cộng đồng này xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc, kế thừa và phát triển cao hơn những nhân tố tộc người đó. Chẳng hạn, ở Việt Nam có các dân tộc như: Kinh, Bana, Tày, Nùng, Dao, Êđê...

- Theo nghĩa thứ hai, dân tộc là một cộng đồng người ổn định, làm thành nhân dân của một nước, có lãnh thổ quốc gia, có nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ

chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài. Chẳng hạn, trên thế giới có các dân tộc như : dân tộc Việt Nam, dân tộc Ấn Độ, dân tộc Nga, dân tộc Trung Hoa...

- Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, căn cứ vào số lượng của mỗi cộng đồng, người ta phân thành dân tộc đa số và dân tộc thiểu số. Cách gọi này không căn cứ vào trình độ phát triển của mỗi cộng đồng. Trong mỗi quốc gia, thông thường dân tộc đa số là lực lượng chủ yếu, là dân tộc đại diện cho quốc gia đó. Còn trong các quốc gia không có dân tộc chiếm đa số thì dân tộc nào giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển của đất nước là dân tộc nòng cốt, đại diện.

- Như vậy, khái niệm dân tộc cần phải được hiểu theo hai nghĩa khác nhau. Thực chất, hai vấn đề này tuy khác nhau nhưng lại gắn bó rất mật thiết với nhau và không thể tách rời nhau. Chẳng hạn, khi chúng ta nói đến dân tộc Việt Nam thì không thể bỏ qua các cộng đồng tộc người (54 dân tộc) đang sinh sống ở nước ta hoặc trái lại, khi nói đến các dân tộc ở nước ta, thì không thể không nói đến cộng đồng dân tộc Việt Nam.

#### *b) Những đặc trưng cơ bản của một dân tộc:*

*Thứ nhất*, dân tộc là một cộng đồng có chung về sinh hoạt kinh tế. Trong một dân tộc, nhân tố kinh tế - xã hội được thể hiện hết sức mạnh mẽ. Những mối liên hệ kinh tế, đặc biệt là mối liên hệ thị trường đã làm tăng tính thống nhất, tính ổn định, tính bền vững của cộng đồng người sống trong một lãnh thổ rộng lớn. Nếu thiếu tính cộng đồng chặt chẽ, bền vững về kinh tế thì cộng đồng người chưa phải là dân tộc.

*Thứ hai*, dân tộc là cộng đồng có chung về ngôn ngữ.

Ngôn ngữ là công cụ giao tiếp xã hội, trước hết là công cụ giao tiếp cộng đồng. Tính thống nhất trong ngôn ngữ dân tộc được thể hiện trước hết ở sự thống nhất về cấu trúc ngữ pháp và kho từ vựng cơ bản. Ngôn ngữ dân tộc là một ngôn ngữ đã phát triển và thống nhất về ngôn ngữ là một trong những đặc trưng chủ yếu của dân tộc.

*Thứ ba*, dân tộc là cộng đồng về lãnh thổ.

Mỗi dân tộc có một lãnh thổ riêng thống nhất, không bị chia cắt. Khái niệm lãnh thổ bao gồm cả vùng đất, vùng biển, hải đảo, vùng trời thuộc chủ quyền quốc gia. Chủ quyền quốc gia dân tộc về lãnh thổ là một khái niệm xác định, thường được thể chế hóa thành luật pháp quốc gia và luật pháp quốc tế. Cộng đồng lãnh thổ là tác dụng quan trọng không thể thiếu được của dân tộc. Lãnh thổ là địa bàn sinh tồn và phát triển của dân tộc, không có lãnh thổ thì không có khái niệm Tổ quốc, quốc gia.

*Thứ tư*, dân tộc là một cộng đồng về văn hoá, về tâm lý, về tính cách.

Văn hóa là yếu tố đặc biệt quan trọng của sự liên kết cộng đồng. Mỗi dân tộc có

một nền văn hóa độc đáo của dân tộc mình. Trong sinh hoạt cộng đồng, các thành viên của dân tộc thuộc những thành phần xã hội khác nhau tham gia vào sự sáng tạo giá trị văn hóa chung của dân tộc, đồng thời hấp thụ các giá trị văn hóa chung đó. Cá nhân hoặc nhóm người nào từ chối những giá trị văn hóa dân tộc thì họ đã tự mình tách khỏi cộng đồng dân tộc.

Văn hóa của một dân tộc không thể phát triển nếu không giao lưu với các văn hóa của các dân tộc khác. Tuy nhiên, trong giao lưu văn hóa, các dân tộc phải có ý thức bảo tồn và phát triển bản sắc của mình, tránh nguy cơ đồng hóa về văn hóa.

Mỗi một dân tộc có tâm lý, tính cách riêng. Người ta có thể nhận biết tâm lý, tính cách một dân tộc qua sinh hoạt vật chất, cũng như sinh hoạt tinh thần của dân tộc ấy, đặc biệt là các phong tục tập quán, tín ngưỡng và đời sống văn hóa

Các đặc trưng cơ bản nói trên gắn bó chặt chẽ với nhau trong một chỉnh thể, đồng thời mỗi đặc trưng có một vị trí xác định. Đó là bốn đặc trưng không thể thiếu một mặt nào của cộng đồng dân tộc. Các đặc trưng ấy có quan hệ nhân quả, tác động lẫn nhau, kết hợp với nhau một cách chặt chẽ và độc đáo trong lịch sử lâu dài hình thành và phát triển cộng đồng.

Từ khái niệm dân tộc và đặc trưng của dân tộc, chúng ta nhận thấy rằng khái niệm dân tộc và khái niệm quốc gia gắn bó chặt chẽ với nhau. Điều khẳng định này có cơ sở khoa học, bởi vì dân tộc ra đời trong những quốc gia nhất định và thông thường những nhân tố hình thành dân tộc chín muồi không tách rời với sự chín muồi của những nhân tố hình thành quốc gia, chúng bổ sung cho nhau và thúc đẩy lẫn nhau.

## ***1.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc***

Trên cơ sở nghiên cứu vấn đề dân tộc và phong trào dân tộc trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản, V.I.Lênin đã chỉ ra hai xu hướng khách quan của sự phát triển các dân tộc.

*Xu hướng thứ nhất*, ở các quốc gia gồm nhiều cộng đồng dân cư có nguồn gốc tộc người khác nhau làm ăn, sinh sống. Đến một thời kỳ nào đó do sự thức tỉnh, sự trưởng thành của ý thức dân tộc mà các cộng đồng dân cư đó muốn tách khỏi nhau để thành lập các quốc gia dân tộc độc lập. Bởi vì, họ hiểu rằng chỉ có trong một cộng đồng độc lập thì họ mới có quyền quyết định vận mệnh của mình, mà cao nhất là quyền tự do lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình. Trong thực tế, xu hướng này biểu hiện thành phong trào đấu tranh chống áp bức dân tộc để đi tới thành lập các quốc gia dân tộc độc lập. Xu hướng này đã phát huy tác động nổi bật trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản và vẫn còn tác động trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

*Xu hướng thứ hai*, các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hợp lại với nhau. Chính sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học công nghệ, của giao lưu kinh tế và văn hoá trong xã hội tư bản đã làm xuất hiện nhu cầu xoá bỏ hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc, tạo nên mối liên hệ quốc gia và quốc tế rộng lớn giữa các dân tộc, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau. Xu hướng này phát huy tác động nổi bật trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, chỉ có trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, khi tình trạng người bóc lột người bị thủ tiêu thì tình trạng dân tộc này áp bức, nô dịch các dân tộc khác mới bị xoá bỏ, và chỉ khi đó, hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc mới có điều kiện để thể hiện đầy đủ.

Hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc có sự thống nhất biện chứng với nhau trong tiến trình phát triển của mỗi quốc gia và của toàn nhân loại. Trong mọi trường hợp, hai xu hướng đó luôn có sự tác động qua lại với nhau, hỗ trợ cho nhau, mọi sự vi phạm mối quan hệ biện chứng này đều dẫn tới những hậu quả tiêu cực, khó lường.

### ***1.3. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin***

#### ***a) Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng***

Quyền bình đẳng là quyền thiêng liêng của các dân tộc. Quyền bình đẳng là nội dung rất quan trọng trong cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin. Quyền bình đẳng được thể hiện ở chỗ, tất cả các dân tộc, dù đông người hay ít người, có trình độ phát triển cao hay thấp đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau, không có dân tộc nào có đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa và ngôn ngữ.

Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, để đảm bảo quyền bình đẳng phải có sự khắc phục, sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc. Đồng thời, quyền bình đẳng giữa các dân tộc phải được pháp luật bảo vệ và phải được thực hiện trong thực tế.

Trong quan hệ giữa các quốc gia - dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc phải được gắn liền với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa bá quyền nước lớn, chống sự áp bức bóc lột của các nước tư bản phát triển đối với các nước lạc hậu, chậm phát triển về kinh tế. Tất cả các quốc gia đều bình đẳng trong quan hệ quốc tế.

#### ***b) Các dân tộc có quyền tự quyết***

Quyền tự quyết là quyền thiêng liêng nhất của mỗi dân tộc đối với vận mệnh của dân tộc mình. Quyền dân tộc tự quyết bao gồm quyền tự do phân lập thành cộng đồng quốc gia dân tộc độc lập và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng để có đủ sức mạnh chống nguy cơ xâm lược từ bên ngoài, giữ

vững độc lập chủ quyền và có thêm những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển quốc gia - dân tộc.

Khi xem xét quyền tự quyết của dân tộc cần đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, ủng hộ các phong trào dân tộc tiến bộ, kiên quyết đấu tranh chống lại những mưu đồ lợi dụng quyền dân tộc tự quyết làm chiêu bài để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước và chia rẽ dân tộc.

*c) Đoàn kết giai cấp công nhân các dân tộc trong cuộc đấu tranh xoá bỏ áp bức dân tộc và xây dựng mối quan hệ mới giữa các dân tộc*

Đây là tư tưởng cơ bản trong cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nó có ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Đoàn kết giai cấp công nhân các dân tộc có vai trò quyết định đến việc xem xét, thực hiện quyền bình đẳng dân tộc và quyền dân tộc tự quyết. Đồng thời nó cũng là yếu tố tạo nên sức mạnh đảm bảo cho thắng lợi của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc trong phạm vi quốc tế.

Như vậy, sự thắng trầm của lịch sử nhân loại đã không bác bỏ cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin, trái lại, hiện thực lịch sử đã cung cấp thêm các sự kiện để xác nhận sự đúng đắn của cương lĩnh và đòi hỏi sự vận dụng cương lĩnh đó cho phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của từng dân tộc, từng quốc gia trong thời đại ngày nay.

## **2. Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

### ***2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo và nguồn gốc, bản chất, tính chất, chức năng của tôn giáo***

#### ***2.1.1. Quan niệm về tôn giáo***

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng: tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo - vào đầu óc của con người - những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh hiện thực khách quan, thông qua sự phản ánh đó, các lực lượng tự nhiên trở thành siêu tự nhiên, thần bí...

Ở một cách tiếp cận khác, tôn giáo còn được hiểu là một thực thể xã hội - các tôn giáo cụ thể (đạo Chính Thống, đạo Công Giáo, đạo Tin lành, đạo Phật...), với các tiêu chí cơ bản sau: có niềm tin sâu sắc vào đáng siêu nhiên, đáng tối cao, thần linh để tôn thờ (niềm tin tôn giáo); có hệ thống giáo thuyết (giáo lý, giáo luật, lễ nghi) phản ánh thế giới quan, nhân sinh quan, đạo đức, lễ nghi của tôn giáo; có hệ thống cơ sở thờ tự; có tổ chức nhân sự, quản lý điều hành việc đạo (người hoạt động tôn giáo chuyên nghiệp hay không chuyên nghiệp); có hệ thống tín đồ đông đảo, những người tự nguyện tin theo một tôn giáo nào đó, và được tôn giáo đó thừa nhận.

- Phân biệt khái niệm tôn giáo và khái niệm *tín ngưỡng*.
- + Tôn giáo và tín ngưỡng không đồng nhất, nhưng có giao thoa nhất định.
- + Theo nhiều nhà nghiên cứu tôn giáo và văn hóa, tín ngưỡng là hệ thống những niềm tin, sự ngưỡng mộ, cũng như cách thức thể hiện niềm tin của con người trước các sự vật, hiện tượng, lực lượng có tính thần thánh, linh thiêng để cầu mong sự che chở, giúp đỡ. Có loại hình tín ngưỡng ở Việt Nam thường được gọi là tín ngưỡng dân gian, hay tín ngưỡng truyền thống, không gắn với tôn giáo, như: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên; tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc; tín ngưỡng thờ Mẫu... Nhưng cũng có loại hình tín ngưỡng gắn với tôn giáo, chính là niềm tin tôn giáo hay tín ngưỡng tôn giáo, là yếu tố quan trọng đầu tiên cấu thành tôn giáo.
- + Trong khi làm rõ khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo, cũng cần thiết phải làm rõ khái niệm *mê tín, dị đoan*. Mê tín là niềm tin mê muội, viển vông, không dựa trên một cơ sở khoa học nào. Nói cách khác là niềm tin về mối quan hệ nhân quả giữa các sự kiện, sự vật, hiện tượng, nhưng thực tế không có mối liên hệ cụ thể, rõ ràng, khách quan, tất yếu, nhưng được bao phủ bởi các yếu tố siêu nhiên, thần thánh, hư ảo. Trong cuộc sống, khi con người sợ hãi trước một điều gì đó quan trọng, nhưng không giải thích được, mê tín sẽ xuất hiện để lấp vào khoảng trống sợ hãi, làm cho con người cảm thấy an tâm, bớt sợ hãi.
- + Theo nghĩa Hán - Việt: dị là khác thường, sai lệch; đoan là lắm mối, nhiều rắc rối, lắm vấn đề. Dị đoan là sự suy đoán, hành động một cách tùy tiện, sai lệch những điều bình thường, chuẩn mực trong cuộc sống.
- + Mê tín dị đoan là niềm tin của con người vào các lực lượng siêu nhiên, thần thánh đến mức độ mê muội, cuồng tín, dẫn đến những hành vi cực đoan, sai lệch quá mức, trái với các giá trị văn hóa, đạo đức, pháp luật, gây tổn hại cho cá nhân, xã hội và cộng đồng.

### 2.1.2. Về nguồn gốc tôn giáo

#### *Nguồn gốc kinh tế - xã hội của tôn giáo*

Trước hết, do sự bất lực của con người trong cuộc đấu tranh với tự nhiên, xã hội để giải quyết các yêu cầu, các mục đích kinh tế - xã hội, cũng như cuộc sống của bản thân họ. Khi xã hội xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, giai cấp hình thành, đối kháng giai cấp nảy sinh. Trong xã hội đó, các mối quan hệ xã hội ngày càng phức tạp và con người ngày càng chịu tác động của những yếu tố tự phát, ngẫu nhiên, may rủi... nằm ngoài ý muốn và khả năng điều chỉnh của mình với những hậu quả khó lường... Một lần nữa con người lại bị động, bất lực trước lực lượng tự phát nảy sinh trong xã hội. Sự bần cùng về kinh tế, nạn áp bức về chính trị, sự hiện diện của những bất công xã hội cùng với những thất vọng, bất hạnh trong cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp bị trị - đó là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo.

Mặt khác, trong những trường hợp cụ thể nào đó, sự xuất hiện tôn giáo là để phục vụ cho những yêu cầu kinh tế - xã hội cụ thể. Điều này thể hiện rõ nét ở một số tôn giáo, khi những yêu cầu, mục đích kinh tế - xã hội bị “tôn giáo hoá” qua những nội dung giáo lý, cách thức hành lễ, tu trì.

Trong những thập kỷ gần đây, với sự phát triển của các điều kiện kinh tế - xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của con người ngày càng được đảm bảo, con người có điều kiện hơn trong quan tâm giải quyết những vấn đề liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng, tâm linh. Đây cũng là nguyên nhân cho sự nảy sinh, phát triển nhu cầu tôn giáo, tín ngưỡng.

#### *Nguồn gốc nhận thức của tôn giáo*

Ở một giai đoạn lịch sử nhất định, sự nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và chính bản thân mình là có giới hạn. Khi mà khoảng cách giữa “biết” và “chưa biết” vẫn tồn tại, khi những điều mà khoa học chưa giải thích được, thì điều đó thường được giải thích thông qua lăng kính các tôn giáo. Ngay cả những vấn đề đã được khoa học chứng minh, nhưng do trình độ dân trí thấp, chưa thể nhận thức đầy đủ, thì đây vẫn là điều kiện, là mảnh đất cho tôn giáo ra đời, tồn tại và phát triển.

Mặt khác, các kết quả nghiên cứu khoa học chứng minh rằng, có một thời kỳ rất dài con người sống không có tôn giáo. Bởi lúc đó, nhận thức của con người còn quá mông muội, thấp kém; trình độ nhận thức mới ở giai đoạn trực quan, cảm tính. Với trình độ nhận thức như vậy, con người chưa thể sáng tạo ra tôn giáo, vì tôn giáo bao giờ cũng gắn với cái thần thánh, siêu nhiên, thế giới bên kia - sản phẩm của những biểu tượng, của sự trừu tượng hoá, khái quát hoá. Khi con người chưa biết tự ý thức thì họ cũng chưa nhận thức được sự bất lực của mình trước sức mạnh của thế giới bên ngoài, do vậy, con người cũng chưa có nhu cầu sáng tạo ra tôn giáo để bù đắp sự bất lực ấy.

Phải đến một trình độ nhận thức nhất định, khi con người đạt đến khả năng tư duy trừu tượng hoá, khái quát hoá (từ những hiện tượng riêng lẻ xây ra được hệ thống hoá, khái quát hoá), con người mới có khả năng sáng tạo ra tôn giáo. Thực chất nguồn gốc nhận thức của tôn giáo chính là sự tuyệt đối hoá, sự cường điệu mặt chủ thể của nhận thức con người, biến cái nội dung khách quan thành cái siêu nhiên, thần thánh.

#### *Nguồn gốc tâm lý của tôn giáo*

Vấn đề ảnh hưởng của yếu tố tâm lý, tình cảm của con người đối với sự ra đời và tồn tại của tôn giáo đã được các nhà vô thần cổ đại nghiên cứu. Họ thường đưa ra những luận điểm: “sự sợ hãi sinh ra thần linh”.

Nhưng không chỉ từ sự sợ hãi trước sức mạnh tự phát của thiên nhiên và xã hội đã dẫn con người đến nhờ cậy thần linh, mà ngay cả những nét tâm lý như tình yêu,

lòng biết ơn, sự kính trọng,... trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và con người với con người nhiều khi cũng được thể hiện qua tín ngưỡng, tôn giáo.

### 2.1.3. Về bản chất tôn giáo

- Trước hết, chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng *tôn giáo, tín ngưỡng là một loại hình thái ý thức xã hội phản ánh hư ảo hiện thực khách quan, chứa đựng những yếu tố tiêu cực, lạc hậu nhất định*. Khác với các hình thái ý thức xã hội khác như triết học, văn học, đạo đức, chính trị..., qua sự phản ánh của tôn giáo, những hiện tượng tự nhiên trở thành siêu nhiên. Ph.Ăngghen cho rằng: “Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo - vào trong đầu óc của con người - của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế”<sup>1</sup>. Thực tế cho thấy, nhiều nhà sáng lập ra các tôn giáo lớn, như Phật Thích Ca, Chúa Giê su, Nhà tiên tri Môhamét..., vốn là những con người tự nhiên - con người thực, nhưng qua lăng kính tôn giáo, họ trở thành những Đấng siêu nhiên.

Mặt khác, trong bản thân mỗi tôn giáo đều chứa đựng những yếu tố lạc hậu, tiêu cực nhất định khi giải thích về bản chất các sự vật, hiện tượng, giải thích về cuộc sống của thế giới và con người. Một số tôn giáo, thông qua các giáo thuyết, và các hành vi cực đoan khác, đã kìm hãm nhận thức và khả năng vươn lên của con người, trước hết là những tín đồ; thậm chí đẩy họ đến những hành động đi ngược lại trào lưu, xu thế văn minh.

- *Tôn giáo là một hiện tượng xã hội - văn hoá do con người sáng tạo ra*. Con người sáng tạo ra tôn giáo vì mục đích, lợi ích của họ, phản ánh những ước mơ, nguyện vọng, suy nghĩ của họ. Khi con người sáng tạo ra ngôn ngữ, công cụ sản xuất, sáng tạo ra nhà nước..., chính là sáng tạo ra những điều kiện giúp họ không ngừng vươn lên trong làm chủ tự nhiên, xã hội. Nhưng, sáng tạo ra tôn giáo, con người lại sợ hãi tôn giáo, tuyệt đối hoá và phục tùng tôn giáo vô điều kiện.

Con người, theo C.Mác, Ph.Ăngghen, chính là thế giới những con người, là nhà nước, là xã hội; nhà nước ấy, xã hội ấy đã sản sinh ra tôn giáo. Hai ông cũng cho rằng, sản xuất vật chất và các quan hệ kinh tế, xét đến cùng là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của các hình thái ý thức xã hội, trong đó có tôn giáo. Do đó, mọi quan niệm về tôn giáo, các tổ chức, thiết chế tôn giáo đều được sinh ra từ những hoạt động sản xuất, từ những điều kiện sống nhất định trong xã hội và thay đổi theo những thay đổi của cơ sở kinh tế.

*Về phương diện thế giới quan*, nhìn chung, các tôn giáo mang thế giới quan duy tâm, có sự khác biệt với thế giới quan duy vật biện chứng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin. Điều này nói lên rằng chủ nghĩa Mác - Lênin và tôn giáo chỉ khác nhau

---

<sup>1</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, Hà Nội. 2000, t. 20, tr. 437



về thế giới quan, về cách nhìn nhận thế giới và con người; giữa chủ nghĩa Mác - Lênin và tôn giáo, giữa những người cộng sản và người theo tôn giáo không hoàn toàn đối lập về tư tưởng như các thế lực thù địch, các thế lực chống chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn tuyên truyền.

#### *2.1.4. Về tính chất của tôn giáo*

##### *Tính lịch sử của tôn giáo*

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội có tính lịch sử, nghĩa là nó có sự hình thành, tồn tại và phát triển trong những giai đoạn lịch sử nhất định, nó có khả năng biến đổi để thích nghi với nhiều chế độ chính trị - xã hội. Khi các điều kiện kinh tế - xã hội, lịch sử thay đổi, tôn giáo cũng có sự thay đổi theo. Trong quá trình vận động của các tôn giáo, chính các điều kiện kinh tế - xã hội, lịch sử cụ thể đã làm cho các tôn giáo bị phân liệt, chia tách thành nhiều tôn giáo, hệ phái khác nhau.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, đến một giai đoạn lịch sử nào đó, khi khoa học và giáo dục giúp cho đại đa số quần chúng nhân dân nhận thức được bản chất các hiện tượng tự nhiên và xã hội thì tôn giáo sẽ dần dần mất đi vị trí của nó trong đời sống xã hội và cả trong nhận thức, niềm tin của mỗi người. Đương nhiên, để đi đến trình độ đó sẽ còn là một quá trình phát triển rất lâu dài của xã hội loài người.

##### *Tính quần chúng của tôn giáo*

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội phổ biến ở tất cả các dân tộc, quốc gia, châu lục. Tính quần chúng của tôn giáo không chỉ biểu hiện ở số lượng tín đồ rất đông đảo (gần 3/4 dân số thế giới); mà còn thể hiện ở chỗ, các tôn giáo là nơi sinh hoạt văn hoá, tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân lao động. Dù tôn giáo hướng con người vào niềm tin hạnh phúc hư ảo của thế giới bên kia, song nó luôn luôn phản ánh khát vọng của những người lao động về một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái. Mặt khác, nhiều tôn giáo có tính nhân văn, nhân đạo và hướng thiện, vì vậy, được nhiều người ở các tầng lớp khác nhau trong xã hội, đặc biệt là quần chúng lao động, tin theo.

##### *Tính chính trị của tôn giáo*

Khi xã hội chưa có giai cấp, tôn giáo chỉ phản ánh nhận thức hồn nhiên, ngây thơ của con người về bản thân và thế giới xung quanh mình, tôn giáo chưa mang tính chính trị. Tính chất chính trị của tôn giáo chỉ xuất hiện khi xã hội đã phân chia giai cấp, có sự khác biệt, sự đối kháng về lợi ích. Trước hết, do tôn giáo là sản phẩm của những điều kiện kinh tế - xã hội, phản ánh lợi ích, nguyện vọng của các giai cấp khác nhau trong cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, nên tôn giáo mang tính chính trị. Tuy nhiên, khi các giai cấp bóc lột, thống trị sử dụng tôn giáo để phục vụ cho lợi ích giai cấp mình, chống lại các giai cấp lao động và tiên bộ xã hội, tôn giáo

mang tính chính trị tiêu cực, phản tiến bộ.

Vì vậy, cần nhận rõ rằng, đa số quần chúng tín đồ đến với tôn giáo nhằm thỏa mãn nhu cầu tinh thần; song, trên thực tế, tôn giáo đã và đang bị các thế lực chính trị - xã hội lợi dụng thực hiện mục đích ngoài tôn giáo của họ.

## ***2.2. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội***

*Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân.*

Tín ngưỡng tôn giáo là niềm tin sâu sắc của quần chúng vào đáng tối cao, đáng thiêng liêng nào đó mà họ tôn thờ, thuộc lĩnh vực ý thức tư tưởng. Do đó, tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng thuộc quyền tự do tư tưởng của nhân dân. Quyền này nói lên rằng việc theo đạo, đổi đạo, hay không theo đạo là thuộc quyền tự do lựa chọn của mỗi người dân, không một cá nhân, tổ chức nào, kể cả các chức sắc tôn giáo, tổ chức giáo hội... được quyền can thiệp vào sự lựa chọn này. Mọi hành vi cấm đoán, ngăn cản tự do theo đạo, đổi đạo, bỏ đạo hay đe dọa, bắt buộc người dân phải theo đạo đều xâm phạm đến quyền tự do tư tưởng của họ.

Tôn trọng tự do tín ngưỡng là xuất phát từ việc tôn trọng quyền tự do tư tưởng - một trong những quyền cơ bản của nhân dân, chính là tôn trọng niềm tin của tín đồ vào một loại hình tôn giáo nào đó mà họ cần đến, vào một loại hình tín ngưỡng mà họ coi là nhu cầu không thể thiếu. Tôn trọng tự do tín ngưỡng cũng chính là tôn trọng quyền con người, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa không can thiệp và không cho bất cứ ai can thiệp, xâm phạm đến quyền tự do tín ngưỡng, quyền lựa chọn theo hay không theo tôn giáo của nhân dân. Các tôn giáo và hoạt động tôn giáo bình thường, các cơ sở thờ tự, các phương tiện phục vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng của người dân được Nhà nước xã hội chủ nghĩa tôn trọng và bảo hộ.

*Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.*

Nguyên tắc này đề khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ hướng vào giải quyết những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo đối với quần chúng lao động; chủ nghĩa Mác - Lênin không chủ trương can thiệp vào công việc nội bộ của các tôn giáo, không tuyên chiến với tôn giáo, không chủ trương xoá bỏ tôn giáo như luận điệu tuyên truyền của các thế lực thù địch.

Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra rằng, muốn thay đổi ý thức xã hội, trước hết cần phải thay đổi bản thân tồn tại xã hội; muốn xoá bỏ ảo tưởng nảy sinh trong tư tưởng con người, phải xoá bỏ nguồn gốc sinh ra ảo tưởng ấy. Mà điều cần thiết trước hết là phải xác lập được một thế giới hiện thực không có áp bức, bất công, nghèo đói và thất học... cũng như những tệ nạn nảy sinh trong xã hội. Đó là một quá trình lâu dài,

và không thể thực hiện được nếu tách rời việc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

*Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng, tín ngưỡng tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo.*

Trong xã hội công xã nguyên thủy, tín ngưỡng tôn giáo chỉ biểu hiện thuần túy về tư tưởng. Nhưng khi xã hội đã xuất hiện giai cấp thì dấu ấn giai cấp - chính trị ít nhiều đều in rõ trong các tôn giáo. Và từ đó hai mặt chính trị và tư tưởng thường thể hiện và có mối quan hệ với nhau trong vấn đề tôn giáo và bản thân mỗi tôn giáo.

Mặt chính trị phản ánh mối quan hệ giữa tiến bộ với phản tiến bộ, phản ánh mâu thuẫn đối kháng về lợi ích kinh tế, chính trị giữa các giai cấp, mâu thuẫn giữa những thế lực lợi dụng tôn giáo chống lại sự nghiệp cách mạng với lợi ích của nhân dân lao động. Mặt tư tưởng biểu hiện sự khác nhau về niềm tin, mức độ tin giữa những người có tín ngưỡng tôn giáo và những người không theo tôn giáo, cũng như những người có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau, phản ánh mâu thuẫn không mang tính đối kháng.

*Quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng*

Tôn giáo không phải là một hiện tượng xã hội bất biến, ngược lại, nó luôn luôn vận động và biến đổi không ngừng tùy thuộc vào những điều kiện kinh tế - xã hội - lịch sử cụ thể. Mỗi tôn giáo đều có lịch sử hình thành, có quá trình tồn tại và phát triển nhất định. Ở những thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò, tác động của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội không giống nhau. Quan điểm, thái độ của các giáo hội, giáo sĩ, giáo dân về các lĩnh vực của đời sống xã hội luôn có sự khác biệt. Vì vậy, cần phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi xem xét, đánh giá và ứng xử đối với những vấn đề có liên quan đến tôn giáo và đối với từng tôn giáo cụ thể.

### **3. Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

#### ***3.1. Khái quát tình hình, đặc điểm dân tộc; quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam trong giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam***

##### ***3.1.1. Khái quát tình hình, đặc điểm dân tộc Việt Nam***

Việt Nam là một quốc gia gồm 54 dân tộc thống nhất được phân bố rải rác trên lãnh thổ cả nước. Dân tộc đông nhất là dân tộc Kinh chiếm khoảng 86% dân số, 53 dân tộc còn lại chiếm 14% dân số. 10 dân tộc có số dân dưới 1 triệu đến 100 ngàn là: Tày, Nùng, Thái, Mường, Khơ-me, Mông, Dao, Gia rai, Bana, Ê đê; 20 dân tộc có số dân dưới 100 ngàn; 16 dân tộc có số dân từ dưới 10 ngàn đến 1000; 6 dân tộc có số dân dưới 1000 (Cống, Si la, Pu Péo, Rơ măm, Ô Đu, Brau)

Đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta cư trú trên địa bàn rộng lớn chiếm  $\frac{3}{4}$

diện tích đất nước, chủ yếu là miền núi, trên toàn tuyến biên giới, một số ở đồng bằng và hải đảo. Ở nhiều tỉnh như Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai, Sơn La, Lai Châu,... các dân tộc thiểu số chiếm hơn 70% dân số. Tình trạng cư trú đan xen là một trong những nét nổi bật trong tình hình dân tộc ở nước ta. Trong điều kiện hiện nay của đất nước, tình trạng đó ngày càng gia tăng.

Do những yếu tố đặc thù của nền kinh tế trồng lúa nước, một kết cấu công xã nông thôn bền chặt sớm xuất hiện. Đồng thời trải qua lịch sử liên tục chống ngoại xâm mạnh hơn mình gấp nhiều lần, dân tộc ta đã được hình thành rất sớm và trở thành một quốc gia dân tộc thống nhất ngay dưới chế độ phong kiến. Những điều kiện trên đã tạo cho cộng đồng dân tộc Việt Nam có **những đặc trưng nổi bật là:**

- Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, nhưng tính cộng đồng các dân tộc và cộng đồng quốc gia đã được hình thành và đạt tới mức độ bền vững. Tính cộng đồng đó được hình thành và củng cố trong một quá trình lịch sử lâu dài. Người thuộc dân tộc nào cũng đều hiểu rằng mình là người Việt Nam với một lòng tự hào chính đáng. Việt Nam có một lịch sử chung mà nhân dân các dân tộc đều tự hào, có một truyền thống chung mà dân tộc nào cũng nâng niu, giữ gìn - đó là truyền thống đoàn kết. Đoàn kết là xu hướng khách quan cố kết các dân tộc trên cơ sở có chung lợi ích, có chung vận mệnh lịch sử, có chung một tương lai tiền đồ.

- Một đặc trưng khác của dân tộc Việt Nam là chủ nghĩa yêu nước truyền thống đã được hình thành và trở thành một sức mạnh được thử thách trong các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, xây dựng đất nước qua mấy nghìn năm lịch sử của dân tộc. Chủ nghĩa yêu nước đã tập hợp được các bộ phận dân cư khác nhau về nhiều mặt cùng chung sống đoàn kết và cùng hướng vào sự nghiệp phát triển đất nước.

- Một đặc trưng nữa là về văn hóa nhiều dân tộc ở nước ta có di sản văn hóa với bản sắc riêng rất độc đáo. Đặc trưng của sắc thái văn hóa dân tộc bao gồm ngôn ngữ, tiếng nói, văn học, nghệ thuật, tình cảm dân tộc, y phục, và quan hệ gia đình... Bên cạnh đó, giữa các dân tộc còn có những nét khác biệt về trình độ phát triển mọi mặt như: kinh tế - xã hội, văn hóa .., còn có sự chênh lệch nhau khá rõ rệt, đặc biệt là đối với các vùng dân tộc thiểu số. Các dân tộc thiểu số ở nước ta chỉ chiếm 14% dân số cả nước, nhưng lại cư trú trên các địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh và giao lưu quốc tế. Đó là các vùng biên giới, núi cao, hải đảo,... Nhiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số trước đây là căn cứ cách mạng và kháng chiến.

Xuất phát từ tình hình đặc trưng cơ bản của dân tộc Việt Nam, chúng ta phải có chính sách chung sao cho phù hợp với xu hướng phát triển chung của cả dân tộc, đồng thời, phải có những chính sách riêng bổ sung cho những chính sách chung đó nhằm đáp ứng đầy đủ những yêu cầu khách quan của từng dân tộc, từng vùng khác nhau. Đảng và nhà nước ta luôn luôn quan tâm đến chính sách dân tộc, xem xét nó

như là vấn đề chính trị - xã hội rộng lớn và toàn diện gắn liền với các mục tiêu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

### *3.1.2. Quan điểm và chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam*

Đảng cộng sản Việt Nam ngay từ khi mới ra đời đã thực hiện nhất quán những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc, đồng thời căn cứ vào thực tiễn lịch sử đấu tranh cách mạng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam cũng như dựa vào tình hình thế giới trong giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn coi trọng vấn đề dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc có tầm đặc biệt quan trọng. Trong mỗi thời kỳ cách mạng, Đảng và Nhà nước ta coi việc giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc là nhiệm vụ có tính chiến lược nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp, cũng như tiềm năng của từng dân tộc và đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đoàn kết dân tộc là một nguyên tắc nhất quán xuyên suốt quá trình hoạch định chính sách dân tộc của Đảng. Đoàn kết các dân tộc là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đoàn kết đã trở thành truyền thống của dân tộc Việt Nam. Thực chất của đoàn kết dân tộc là sự đoàn kết giữa những người có cùng chung một mục đích giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội. Trong cách mạng dân tộc dân chủ, đó là mục tiêu độc lập dân tộc và người cày có ruộng. Ngày nay, cả nước đang quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đó là mục tiêu: “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”<sup>3</sup>.

Trên cơ sở đó, chính sách dân tộc cơ bản của Đảng và Nhà nước ta được thể hiện cụ thể ở những điểm sau:

- Tôn trọng lợi ích, truyền thống, văn hoá, ngôn ngữ, tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc. Chống tư tưởng dân tộc lớn và tư tưởng dân tộc hẹp hòi, kỳ thị dân tộc và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số còn lạc hậu.

Đây là nội dung quan trọng của chính sách dân tộc, nó tạo điều kiện cho các dân tộc hoà vào một nền văn hoá chung vừa hiện đại vừa đậm đà bản sắc dân tộc.

- Đảng và Nhà nước thực hiện một chiến lược phát triển kinh tế chung, trong đó ưu tiên đúng mức cho sự phát triển kinh tế ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn lạc hậu. Thực hiện tốt điều đó vừa đáp ứng yêu cầu khai thác tiềm năng to lớn của các vùng đồng bào dân tộc thiểu số kém phát triển, vừa đáp ứng yêu cầu xoá bỏ dần sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế giữa các dân tộc, các vùng để các dân tộc thực sự bình đẳng và hoà hợp với nhau hơn nữa. Tạo điều kiện cho các dân tộc thiểu số có tốc độ phát triển kinh tế nhanh nhưng bằng những hình thức, những bước đi

---

<sup>3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. CTQG, Hà Nội 2016, tr.16

phù hợp với đặc điểm dân tộc. Phát huy hiệu quả sự giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc, trong đó đánh giá đúng mức vai trò tác dụng sự giúp đỡ của các dân tộc đa số có trình độ phát triển cao hơn đối với các dân tộc thiểu số còn lạc hậu. Thực hiện tốt việc giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình, tạo điều kiện cho nhân dân chủ động sản xuất, gắn bó với đất, với rừng.

- Quan tâm đến sự phát triển văn hoá, giáo dục của mỗi dân tộc, tạo điều kiện để thực hiện xoá mù chữ, phổ cập giáo dục cũng như tạo điều kiện cho từng dân tộc khai thác, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc mình bằng khả năng sẵn có. Đồng thời, bằng nhiều hình thức, thúc đẩy một cách hợp lý quá trình giao lưu, hoà hợp tinh hoa văn hoá của các dân tộc mà tác dụng của nó vừa làm cho nền văn hoá của mỗi dân tộc tự bổ sung để đạt tới mức độ giàu có hơn vừa làm cho quá trình phát triển của nền văn hoá mới đậm đà bản sắc dân tộc được thúc đẩy mạnh mẽ.

- Quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, văn hoá, khoa học,... cho từng dân tộc, đồng thời giáo dục tinh thần đoàn kết, hợp tác cho cán bộ các dân tộc. Bởi vì, chỉ tinh thần đó mới phù hợp với đòi hỏi khách quan của công cuộc phát triển dân tộc và xây dựng đất nước. Trong công cuộc đó, không dân tộc nào có thể chỉ sử dụng đội ngũ cán bộ xuất thân từ dân tộc mình, ngược lại, cần sự hỗ trợ lẫn nhau giữa các đội ngũ cán bộ thuộc mọi dân tộc trong cả nước.

Như vậy, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta mang tính chất toàn diện, tổng hợp, bao trùm tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, liên quan đến mỗi dân tộc và quan hệ giữa các dân tộc trong cộng đồng quốc gia.

### ***3.2. Khái quát tình hình, đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam và quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo, tín ngưỡng***

#### ***3.2.1. Khái quát tình hình, đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam***

*Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo*

Nước ta hiện nay có 13 tôn giáo đã được công nhận tư cách pháp nhân (Phật giáo, Công Giáo, Hồi giáo, Tin lành, Cao Đài, Phật Giáo Hòa Hảo, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương, Baha'i, Minh Lý đạo - Tam Tông miếu, Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư Đạo, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội, Bà la môn) và trên 40 tổ chức tôn giáo đã được công nhận về mặt tổ chức hoặc đã đăng ký hoạt động với khoảng 24 triệu tín đồ, 95.000 chức sắc, 200.000 chức việc và hơn 23.250 cơ sở thờ tự<sup>1</sup>. Các tổ chức tôn giáo có nhiều hình thức tồn tại khác nhau. Có tôn giáo du nhập từ bên ngoài, với những thời điểm, hoàn cảnh khác nhau, như đạo Phật, đạo Công Giáo, đạo Tin lành, đạo Hồi; có tôn giáo nội sinh, như đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo.

---

<sup>1</sup> Nguồn: Ban Tôn giáo Chính phủ, 12/2017

*Tôn giáo ở Việt Nam đa dạng, đan xen, chung sống hòa bình và không có xung đột, chiến tranh tôn giáo*

Việt Nam là nơi giao lưu của nhiều luồng văn hóa thế giới, trong đó chịu ảnh hưởng sâu sắc của hai nền văn minh lớn là Trung Quốc và Ấn Độ; về sau chịu tác động, ảnh hưởng của các luồng văn hóa của các quốc gia phương Tây. Hơn nữa, Việt Nam là quốc gia có nhiều tộc người sinh sống, nên từ ngàn xưa đã dung nạp, dung hòa nhiều hình thức tín ngưỡng, tôn giáo đa dạng và phong phú.

Các tôn giáo ở Việt Nam có sự đa dạng về nguồn gốc và truyền thống lịch sử. Mỗi tôn giáo ở Việt Nam có quá trình lịch sử tồn tại và phát triển khác nhau, nên sự gắn bó với dân tộc cũng khác nhau. Tín đồ của các tôn giáo khác nhau cùng chung sống hòa bình trên một địa bàn, giữa họ có sự tôn trọng niềm tin của nhau. Chưa từng xảy ra xung đột, chiến tranh tôn giáo. Thực tế cho thấy, không có một tôn giáo nào du nhập vào Việt Nam mà không mang dấu ấn, không chịu ảnh hưởng của bản sắc văn hóa Việt Nam.

*Tín đồ các tôn giáo Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc*

Tín đồ các tôn giáo Việt Nam có thành phần rất đa dạng, chủ yếu là người lao động, bao gồm nông dân, công nhân... Đa số tín đồ các tôn giáo đều có tinh thần yêu nước, chống ngoại xâm, tôn trọng công lý, gắn bó với dân tộc, đi theo Đảng, theo cách mạng, hăng hái tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Trong các giai đoạn lịch sử, tín đồ các tôn giáo cùng với các tầng lớp nhân dân làm nên những thắng lợi to lớn, vẻ vang của dân tộc. Nhưng là tín đồ tôn giáo, đồng bào có nhu cầu tín ngưỡng, có ước vọng sống “tốt đời, đẹp đạo”.

*Hàng ngũ chức sắc các tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ*

Chức sắc tôn giáo là tín đồ có chức vụ, phẩm sắc trong tôn giáo, họ tự nguyện thực hiện thường xuyên nếp sống riêng theo giáo lý, giáo luật của tôn giáo mà mình tin theo. Về mặt tôn giáo, chức năng của họ là truyền bá, thực hành giáo lý, giáo luật, lễ nghi, quản lý tổ chức của tôn giáo, duy trì, củng cố, phát triển tôn giáo, chuyên chăm lo đến đời sống tâm linh của tín đồ.

Trong giai đoạn hiện nay, hàng ngũ chức sắc các tôn giáo ở Việt Nam luôn chịu sự tác động của tình hình chính trị - xã hội trong và ngoài nước, nhưng nhìn chung xu hướng tiến bộ trong hàng ngũ chức sắc ngày càng phát triển.

*Các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài*

Nhìn chung các tôn giáo ở nước ta, không chỉ các tôn giáo ngoại nhập, mà cả



các tôn giáo nội sinh đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài hoặc các tổ chức tôn giáo quốc tế.

Các tôn giáo lớn ở Việt Nam đều có quan hệ mật thiết với các cá nhân, tổ chức tôn giáo và các tổ chức ngoài tôn giáo có tính quốc tế, đa dạng và phức tạp. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi Nhà nước Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với gần 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới, đây chính là điều kiện gián tiếp củng cố và phát sinh mới các mối quan hệ giữa các tôn giáo Việt Nam với các tôn giáo ở các nước trên thế giới. Vì vậy, việc giải quyết vấn đề tôn giáo ở Việt Nam phải đảm bảo kết hợp giữa mở rộng giao lưu hợp tác quốc tế với việc bảo đảm độc lập, chủ quyền, không để cho kẻ địch lợi dụng dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo để chống phá, can thiệp vào công việc nội bộ của Nhà nước Việt Nam.

*Các tôn giáo ở Việt Nam thường bị các thế lực thực dân, đế quốc, phản động lợi dụng*

Trong những năm trước đây cũng như giai đoạn hiện nay, các thế lực thực dân, đế quốc luôn chú ý ủng hộ, tiếp tay cho các đối tượng phản động ở trong nước lợi dụng tôn giáo để thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” đối với nước ta. Lợi dụng đường lối đổi mới, mở rộng dân chủ của Đảng và Nhà nước ta, các thế lực thù địch bên ngoài thúc đẩy các hoạt động làm sầm uất, phát triển tôn giáo, tập hợp tín đồ, tạo thành một lực lượng để cạnh tranh ảnh hưởng và làm đối trọng với Đảng Cộng sản, đấu tranh đòi hoạt động của tôn giáo thoát ly khỏi sự quản lý của Nhà nước; tìm mọi cách quốc tế hóa “vấn đề tôn giáo” ở Việt Nam để tố cáo Việt Nam vi phạm dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo.

*3.2.2. Nội dung quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo, tín ngưỡng trong giai đoạn hiện nay*

*Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.*

Đảng ta khẳng định, tôn giáo sẽ tồn tại lâu cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Thực tế ở nước ta, đang có khoảng 24 triệu người, chiếm hơn ¼ dân số, đang có nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo và nhiều giá trị của các tôn giáo, cả vật thể và phi vật thể, phù hợp và đóng góp quan trọng cho công cuộc xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam.

Vì vậy, thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật.

*Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc*



Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Nhà nước xã hội chủ nghĩa, một mặt, nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ, phân biệt đối xử với công dân vì lý do tôn giáo, tín ngưỡng; mặt khác, thông qua quá trình vận động quần chúng nhân dân tham gia lao động sản xuất, hoạt động xã hội thực tiễn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao trình độ kiến thức... để tăng cường sự đoàn kết vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, để cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” được coi là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp chung. Mọi công dân không phân biệt tôn giáo, tín ngưỡng đều có quyền và nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

*Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng*

Công tác vận động quần chúng các tôn giáo nhằm động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất của Tổ quốc; thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào tôn giáo.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa vùng đồng bào theo các tôn giáo, nhằm nâng cao trình độ, đời sống mọi mặt cho đồng bào, làm cho quần chúng nhân dân nhận thức đầy đủ, đúng đắn đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tích cực, nghiêm chỉnh thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật, trong đó có chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

*Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.* Công tác tôn giáo có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, các cấp, các ngành, các địa bàn, liên quan đến chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta. Công tác tôn giáo không chỉ liên quan đến quần chúng tín đồ, chức sắc các tôn giáo, mà còn gắn liền với công tác đấu tranh với âm mưu, hoạt động lợi dụng tôn giáo gây phương hại đến lợi ích Tổ quốc, dân tộc.

Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, bao gồm hệ thống tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị, do Đảng lãnh đạo. Cần củng cố và kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tôn giáo các cấp. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các tôn giáo và đấu tranh với hoạt động lợi dụng tôn giáo gây phương hại đến lợi ích Tổ quốc, dân tộc.

### *Vấn đề theo đạo và truyền đạo*

Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ, được hoạt động tôn giáo, mở trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành, xuất bản kinh sách và giữ gìn, sửa chữa, xây dựng cơ sở thờ tự tôn giáo của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật.

### ***3.3. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam***

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc và có nhiều loại hình tín ngưỡng, tôn giáo. Các tôn giáo ở Việt Nam, dù nội sinh hay du nhập, với những điều kiện, hoàn cảnh lịch sử khác nhau, nhưng đều có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với cộng đồng dân tộc. Sự quan hệ, tác động lẫn nhau giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam đã tạo nên những đặc thù của vấn đề dân tộc - tôn giáo ở Việt Nam, chi phối đến nhiều lĩnh vực của đời sống cộng đồng, đến công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cả trong quá khứ và hiện tại. Mối quan hệ đó được biểu hiện trên một số nội dung cơ bản sau:

*Một là*, quá trình ra đời, du nhập, tồn tại và phát triển trong lòng cộng đồng dân tộc Việt Nam, các tôn giáo, về cơ bản là đồng hành cùng dân tộc, đóng góp quan trọng vào đời sống chính trị - xã hội, góp phần làm phong phú, hiện đại các giá trị văn hóa, tư tưởng Việt Nam truyền thống.

*Hai là*, cộng đồng dân tộc Việt Nam vừa tiếp nhận có chọn lọc, vừa làm biến đổi nhiều yếu tố tôn giáo cho phù hợp với các giá trị, phẩm chất truyền thống của dân tộc mình.

Người Việt Nam tiếp nhận tôn giáo, cả ở khía cạnh thực hành giáo lý, giáo luật, nghi thức tôn giáo và cả ở khía cạnh văn hóa. Tiếp nhận văn hóa tôn giáo cũng nằm trong quá trình giao lưu văn hoá Việt Nam với bên ngoài, nên đó là sự tiếp nhận có chọn lọc, tiếp nhận những yếu tố làm gia tăng, phong phú, hiện đại các giá trị văn hóa Việt Nam, gạt bỏ hay cải biến những yếu tố không phù hợp.

Giá trị, phẩm chất truyền thống nổi bật của dân tộc Việt Nam là lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần đoàn kết, cố kết, tương thân, tương ái... Các giá trị đó đã làm nên khí phách, phẩm chất Việt Nam, tạo nên sức mạnh bảo đảm sự trường tồn của dân tộc. Các tôn giáo trong quá trình du nhập, đứng chân ở Việt Nam, để được người

Việt Nam chấp nhận, tiếp nhận, đã có sự dung hòa, giảm đi nhiều yếu tố khắc nghiệt, cực đoan (nếu có) trong giáo lý, phương thức tu trì, hành đạo.

Để tồn tại và phát triển trong đời sống xã hội Việt Nam thời phong kiến, Phật giáo đã dung hòa với Nho, Lão giáo, làm ảnh hưởng, biến đổi nhau, tạo thành “Tam giáo đồng nguyên”. Du nhập vào một xứ sở nông nghiệp lúa nước, Phật giáo chấp nhận nhiều yếu tố trong tín ngưỡng của cư dân nơi đây, điển hình là yếu tố thờ Mẫu. Trên bàn thờ Phật giáo Đại thừa, bên cạnh thờ các vị Phật, còn thờ Ngọc hoàng Thượng đế, Thái Thượng lão quân, Thiên vương, Lục đình, Lục giáp..., những yếu tố của đạo Lão, là biểu tượng cho sự hòa hợp đó.

Các tôn giáo như Công Giáo, Tin Lành, Hồi Giáo đều gắn bó, hòa đồng với đời sống cộng đồng dân tộc, chấp nhận, thừa nhận nhiều yếu tố tín ngưỡng, truyền thống dân tộc, để tín ngưỡng, truyền thống dân tộc “song hành” tín ngưỡng tôn giáo. Mặt khác, các dân tộc ở Việt Nam cư trú xen kẽ, không dân tộc nào có vùng lãnh thổ riêng biệt; sự đoàn kết, cố kết, tương thân, tương ái là yếu tố xuyên suốt trong quan hệ giữa các dân tộc cả chiều dài lịch sử Việt Nam. Các tôn giáo ở Việt Nam cũng tồn tại đan xen, hòa đồng, không có “vùng tôn giáo” nào riêng biệt. Vì vậy, mặc dù là một quốc gia có 54 dân tộc, nhiều loại hình tôn giáo, tín ngưỡng, nhưng nơi đây chưa từng xảy ra chiến tranh, xung đột tôn giáo, kể cả những thời điểm dân tộc Việt Nam bị các thế lực bên ngoài xâm lược, thống trị.

*Ba là*, một số biểu hiện mới trong quan hệ giữa dân tộc với tôn giáo trong điều kiện hiện nay.

Dân tộc và tôn giáo, quan hệ giữa dân tộc với tôn giáo luôn chịu sự tác động, ảnh hưởng, chi phối của các yếu tố ngoại cảnh, đặc biệt là âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch trong quá trình thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” chống phá cách mạng Việt Nam, là quá trình toàn cầu hoá, quốc tế hoá các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Ở Việt Nam hiện nay, tham gia vào quá trình toàn cầu hoá, quốc tế hoá các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội - văn hoá..., vừa làm cho vấn đề dân tộc và vấn đề tôn giáo gắn chặt với nhau, mang tính chất quốc tế sâu sắc, vừa đặt ra yêu cầu nội tại bảo vệ bản sắc dân tộc, bảo vệ các giá trị của các loại hình tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống. Vì thế, đang xuất hiện xu hướng trở về các giá trị truyền thống, chú ý đề cao các yếu tố, các giá trị dân tộc, nhằm nâng cao ý thức cảnh giác, khả năng tự bảo vệ các giá trị truyền thống.

Mặt khác, nhiều tôn giáo lớn của thế giới, trong quá trình xâm nhập vào các vùng dân tộc thiểu số, chậm phát triển ở Việt Nam, đã rất chú ý khai thác, lợi dụng các đặc điểm đặc thù của các dân tộc này để mở rộng phạm vi ảnh hưởng, thu hút tín đồ; hoặc để tăng khả năng thu hút, lôi kéo quần chúng, đã có những biến đổi nhất định cho phù hợp với yếu tố dân tộc, địa phương mà tôn giáo đó du nhập. Điển hình

là sự xâm nhập của đạo Tin Lành vào vùng sâu, vùng xa ở Tây Nguyên, vào vùng dân tộc Mông, Dao... ở phía Bắc Việt Nam.

### **C. CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Phân tích quan điểm Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa?

2. Trình bày những quan điểm, tư tưởng, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa?

3. Phân tích, làm rõ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa?

4. Trình bày những quan điểm, tư tưởng, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa?

5. Phân tích mối quan hệ giữa dân tộc với tôn giáo ở Việt Nam và ảnh hưởng của mối quan hệ đó đến sự ổn định chính trị - xã hội của đất nước, đến độc lập, chủ quyền của Tổ quốc?

### **D. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 24 - NQ/TU, ngày 12/3/2003 của BCH TƯ (khóa IX) Về công tác dân tộc*, Nxb CTQG, Hà Nội 2003.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 25 - NQ/TU, ngày 12/3/2003 của BCH TƯ (khóa IX) Về công tác tôn giáo*, Nxb CTQG, H. 2003.

5. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng, *Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2018.

6. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (khóa XIV), *Luật tín ngưỡng, tôn giáo*, Luật số 02/2016/QH14, ngày 18/11/2016.

7. Dương Xuân Ngọc, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, dùng cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị, Nxb CAND, H. 2016.